

# **BÁO CÁO**

# **THƯỜNG NIÊN 2022**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ**



# MỤC LỤC

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Giới thiệu chung
2. Quá trình hình thành phát triển kinh doanh
3. Ngành nghề kinh doanh, địa bàn
4. Sơ đồ tổ chức
5. Giới thiệu ban lãnh đạo
6. Thông tin vốn cổ phần và cổ đông
7. Định hướng phát triển 2020 - 2025
8. Các rủi ro

**1 - 15**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính

**16 - 19**

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022
2. Kết quả đạt được 2022
3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo NQ của ĐHCĐ 2022
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

**20 - 24**

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá tình hình
2. Kết quả điều hành hoạt động năm 2022
3. Tổng kết các phiên họp và nghị quyết của HĐQT
4. Đánh giá của HĐQT về ban điều hành
5. Kế hoạch, định hướng năm 2023

**25 - 32**

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban GD và BKS năm 2022
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

**33 - 36**

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng
2. Bảo vệ môi trường
3. Chính sách liên quan đến người lao động

**37 - 39**

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**40 - 44**





## GIỚI THIỆU CHUNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VĨNH PHÚ

Tên tiếng anh: VINH PHU RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: 12,295,790,000VNĐ

Trụ sở chính: Phố Kiến Thiết, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210 3910217

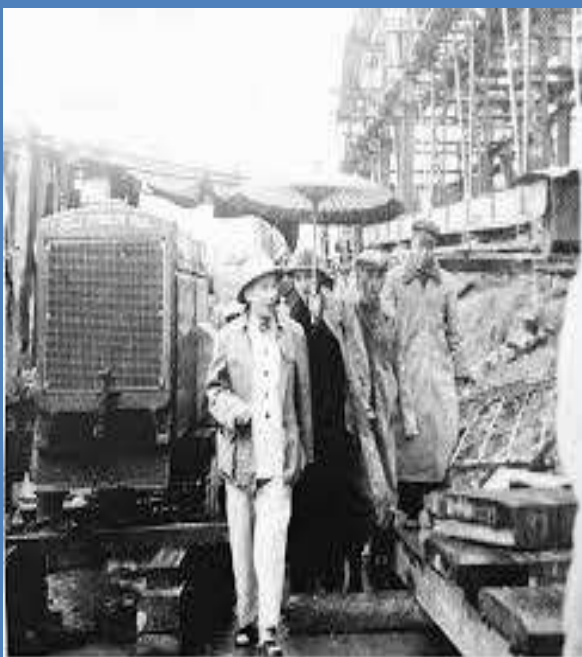
Fax: 0210 3910249

Email: [duongsatvp@gmail.com](mailto:duongsatvp@gmail.com)

Website: <http://duongsatvinhphu.com>

Giấy chứng nhận ĐKKD: 2600109073

Mã cổ phiếu: DSV



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

## 2022

Một năm vượt qua đại dịch Covid-19 đầy biến động của xã hội. Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú vẫn tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển.



Ngày 02/12/2016, giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đ/cp

## 2016

## 2015

Ngày 30/10/2015, Bộ Giao thông vận tải Quyết định số 3898/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú. Ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 2 số 2600109073 cho Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú



Từ tháng 06/2010, Công ty QLĐS Vĩnh Phú được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên QLĐS Vĩnh Phú theo Quyết định số 717/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

## 2010

## 2003

Ngày 20/03/2003, Xí nghiệp QLĐS Vĩnh Phú đổi tên thành Công ty Quản lý Đường Sắt Vĩnh Phú

Tháng 05/1965, Tổng cục đường sắt ban hành QĐ số 1119Q Đ/TC thành lập 7 Đoạn quản lý Đường sắt. Công vụ đoạn Việt Trì đổi tên là Đoạn Quản lý đường sắt 6, phạm vi quản lý bao gồm: Tuyến đường sắt Việt Trì - Yên Viên - Thái Nguyên.

## 1965



Tiền thân là Công vụ đoạn Việt Trì thành lập ngày 22/11/1955 theo QĐ của Tổng cục Đường sắt 2127/QĐ-ĐS

## 1955



# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của Công ty là duy trì và khai thác có hiệu quả hoạt động thi công xây lắp và sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; đồng thời đẩy mạnh hoạt động đấu thầu thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt, kinh doanh sản phẩm công nghiệp.

## Ngành nghề kinh doanh chính:

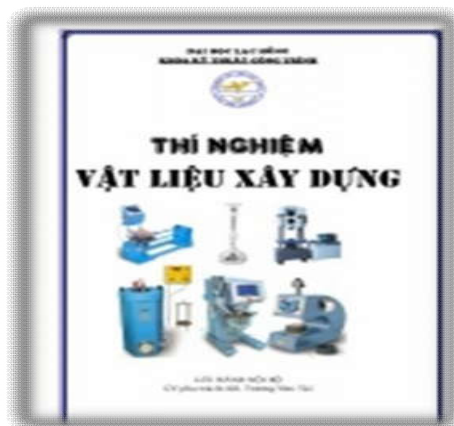
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Đường sắt.



- Tham gia cứu chữa, cứu nạn sự cố xảy ra trên đường sắt, khắc phục bão lũ;
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp.

## Ngành nghề kinh doanh khác:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;



- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;



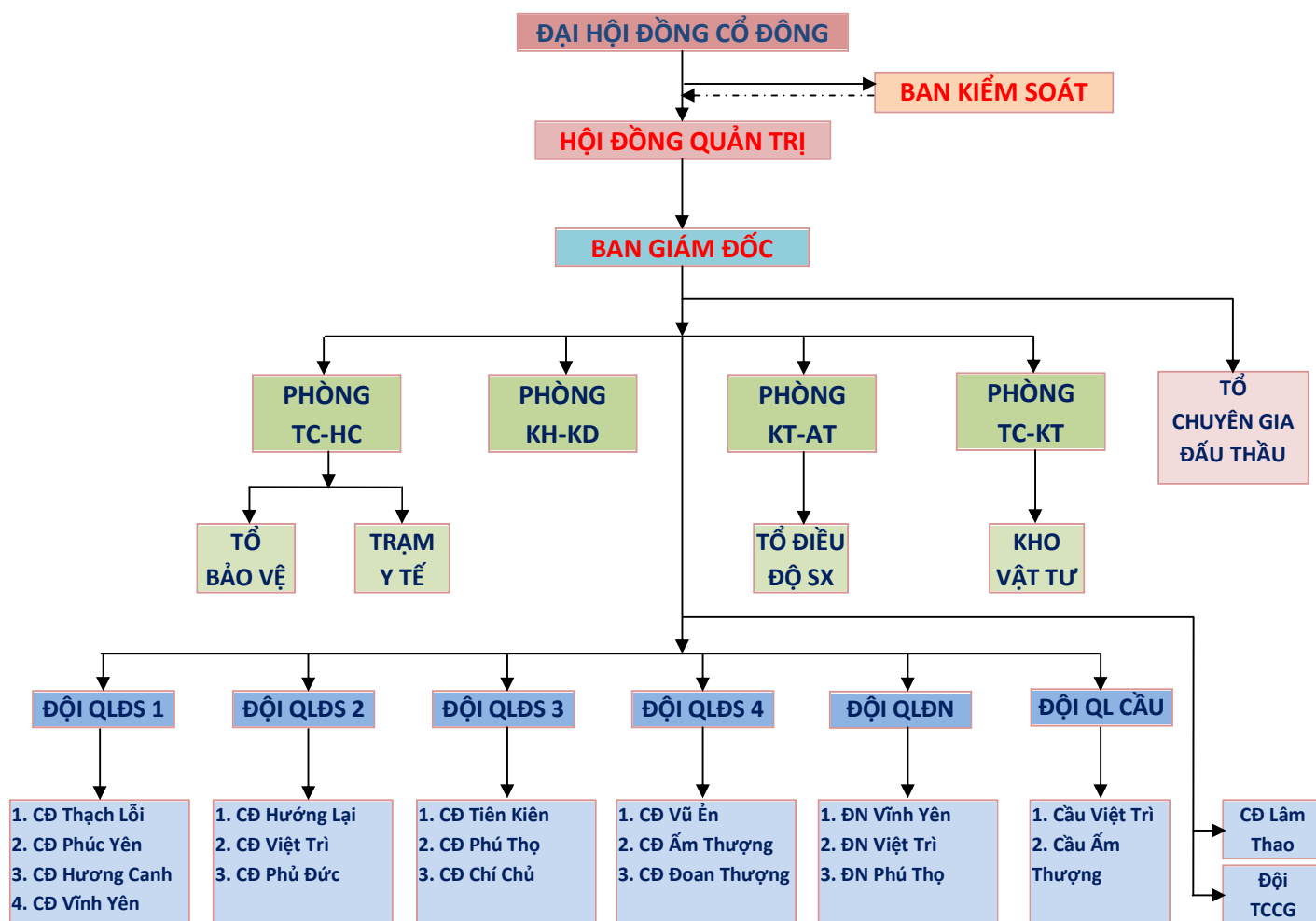
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;  
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá.

## Địa bàn kinh doanh:

Công ty đang phấn đấu mục tiêu củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# **GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025**

### **Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1964

Số CMND: 130752211 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 07/11/2018

Quê quán: Xã Trung Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Miếu, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường



Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao thông vận tải Đường sắt. Ông đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng xây dựng, quản lý Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú ngày càng phát triển.

Số lượng cổ phần sở hữu: 234.464 cổ phần - Tỷ lệ: 19,07%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.543 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không





## **Ông Trần Như Thăng – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 30/6/1962

Số CMND: 001062054692 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 18/7/2021

Quê quán: Xã Văn Khê, huyện Mê Linh, tỉnh Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường



Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giao thông vận tải Đường sắt và là người trực tiếp tham gia quản lý, điều hành và xây dựng Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú ngày càng phát triển.

Số lượng cổ phần sở hữu: 234.675 cổ phần - Tỷ lệ: 19,09 %

Số cổ phần đại diện sở hữu: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

***Ông Trần Như Thăng – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm ngày 31/01/2023***



## **Ông Phạm Xuân Tú – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 02/7/1982

Số CMND: 025082008932 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 26/5/2022

Quê quán: Xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: : Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD cầu đường



Ông có 08 năm là Phó Giám đốc công ty, với kinh nghiệm trong lĩnh vực giao thông vận tải Đường sắt và là người trực tiếp tham gia quản lý, điều hành và xây dựng Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú phát triển.

Số lượng cổ phần sở hữu: 684 cổ phần - Tỷ lệ: 0,06%

Số cổ phần đại diện sở hữu (kể từ ngày 31/01/2023):

313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

***Ông Phạm Xuân Tú được bầu làm thành viên HĐQT và Bổ nhiệm làm Giám đốc công ty ngày 31/01/2023***



## **Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 02/12/1966

Số CMND: 025066001606 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính  
về Trật tự Xã hội cấp ngày 02/4/2021

Quê quán: Xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Đường sắt



Số lượng cổ phần sở hữu: 2.563 cổ phần -Tỷ lệ: 0,21%

Số cổ phần đại diện sở hữu: 0

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số CCCD	Nơi cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Hoàng Thị Thúy Hà	20/12/1973	Trưởng BKS	008173009865	Cấp ngày 08/9/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	Phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ	0,146%
2	Giang Tiến Duy	16/5/1981	Thành viên	131496941	Cấp ngày 01/3/2014 tại CA tỉnh Phú Thọ	Phường Thọ Sơn, Việt Trì, Phú Thọ	0,063%
3	Nguyễn Thanh Tùng	15/07/1982	Thành viên	001082053505	Cấp ngày 28/9/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH	Phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ	0,076%

## BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Ông Trần Như Thăng – Giám đốc (Nghỉ hưu kể từ ngày 01/01/2023)

Ngày tháng năm sinh: 30/6/1962 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường

Số lượng cổ phần sở hữu: 234.675 cổ phần - Tỷ lệ: 19.09 %

Số cổ phần đại diện sở hữu hết ngày 31/12/2022: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không; Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### 2. Ông Phạm Xuân Tú – Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 02/7/1982 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Bến Gót, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD cầu đường

Số lượng cổ phần sở hữu: 684 cổ phần - Tỷ lệ: 0,06%

Số cổ phần đại diện sở hữu từ ngày 01/01/2023: 313.542 cổ phần - Tỷ lệ: 25,5%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không; Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

***Ông Phạm Xuân Tú là Phó Giám đốc đến hết ngày 30/01/2023 và được Bổ nhiệm là Giám đốc kể từ ngày 31/01/2023***



### **3. Ông Trần Ngọc Thăng – Phó Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 18/5/1963 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: TT Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD cầu đường

Số lượng cổ phần sở hữu: 00 cổ phần - Tỷ lệ: 0,00%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không; Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

### **4. Ông Lê Minh Trường – Phó Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 25/9/1980 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Đống Đa, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ XD cầu đường

Số lượng cổ phần sở hữu: 854 cổ phần - Tỷ lệ: 0,07%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không; Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

## **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

### **Ông Bùi Trọng Dũng – Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 01/03/1970 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Tiên Cát, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 1965 cổ phần - Tỷ lệ: 0,16%

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## THÔNG TIN VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

### ❖ *Cổ phần*

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú đã phát hành 1.229.579 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 1.229.579 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 1.229.579 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

### ❖ *Cơ cấu cổ đông của công ty*

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>196</b>	<b>1.229.579</b>	<b>12.295.790.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức trong nước	02	637.085	6.370.850.000	51,81
2	Cá nhân trong nước	159	592.494	5.924.940.000	48,19
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>161</b>	<b>1.229.579</b>	<b>12.295.790.000</b>	<b>100</b>

### ❖ *Danh sách cổ đông lớn*

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	627.085	6.270.850.000	51%
Nguyễn Việt Anh	234.464	2.344.640.000	19,07%
Trần Như Thăng	234.675	2.346.750.000	19,09%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.096.224</b>	<b>10.962.240.000</b>	<b>89.16%</b>

**Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không



# **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2025**

## **1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành giao thông.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức nhận thầu thi công trong đấu thầu các dự án lớn, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có, đồng thời có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

## **2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.



- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
- Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.





## RỦI RO

Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú liên tục nhận diện và đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro và cập nhật nhanh chóng đến Ban điều hành và Hội đồng Quản trị. Những đánh giá và biện pháp quản trị kịp thời này giúp hạn chế các tác động tiêu cực đến việc hoàn thành kết quả hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của công ty

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về nguồn nhân lực	Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến cạnh tranh thu hút nhân sự; số lượng, chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những yêu cầu mới của ngành nghề	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV</li><li>• Xây dựng môi trường làm việc tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nguồn nhân lực.</li><li>• Đầu tư cho hoạt động đào tạo</li></ul>
Rủi ro về cạnh tranh	Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là nỗi lo của doanh nghiệp, khi hiện nay trên thị trường có rất nhiều doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực hoạt động, do đó ảnh hưởng đến doanh thu thị phần khách hàng của công ty	<ul style="list-style-type: none"><li>• Xây dựng uy tín trong ngành lĩnh vực hoạt động bằng chất lượng và thời gian hoàn thành đúng theo hợp đồng.</li></ul>
Rủi ro đặc thù ngành	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Hàng năm tổ chức các đợt học tập, kiểm tra về kiến thức nghề nghiệp, an toàn lao động. Kiểm tra sức khỏe 2 đợt/năm cho cán bộ công nhân viên công ty</li><li>• Phối hợp với các cơ quan ban ngành liên quan tuyên truyền kiến thức cho người dân sống dọc 2 bên đường sắt.</li></ul>
Rủi ro khác	Hoạt động SXKD của Công ty còn chịu một số rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... Các rủi ro này khi xảy ra ít nhiều đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	



# BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022



## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Về doanh thu và lợi nhuận: Năm 2022, doanh thu và LNST của công ty lần lượt đạt 230,56 tỷ đồng và 4,39 tỷ đồng, doanh thu giảm 2,46% nhưng lợi nhuận tăng 10,38% so với năm 2021; đạt 115,86% kế hoạch doanh thu và 110,33% kế hoạch LNST.

Về tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ và chi trả cổ tức: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ của công ty tiếp tục được cải thiện so cùng kỳ, đạt 35,70% (năm 2021 đạt 32,34%). Tỷ lệ trả cổ tức đạt 16%, tăng 0,63% so với năm năm 2021. Trong năm 2022, công ty đã hoàn thành chi trả toàn bộ cổ tức năm 2021.

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2022 theo NQ ĐHCĐ	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2022 so với	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	KH năm 2022
1	Doanh thu	Tr.đ	199.000	236.371	230.560	97,54	115,86
	Trong đó						
	- Sản phẩm công ích	Tr.đ	115.446	109.174	119.785	109,72	103,76
	- Sản phẩm ngoài công ích	Tr.đ	83.554	127.197	110.775	87,09	132,58
2	Chi phí	Tr.đ	195.021	232.394	226.170	97,32	115,97
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.979	3.977	4.390	110,38	110,33
4	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	32,36	32,34	35,70		
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	16,0	15,9	16,0	100,63	100,00

Về nguồn hình thành doanh thu hiện tại của công ty từ sản phẩm công ích và sản phẩm ngoài công ích. Cơ cấu doanh thu từ sản phẩm ngoài ngành/ tổng doanh thu đã tăng sau với kế hoạch. Điều này xuất phát sự cố gắng tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường của công ty năm 2022.

Ngoài ra, trong năm 2022, tập thể cán bộ, công nhân lao động công ty đã rất cố gắng trong việc thực hành tiết kiệm, giảm thiểu chi phí để khắc phục khó khăn chung của ngành đường sắt trong năm qua. Thu nhập bình quân lao động đạt 10 triệu đồng/người/tháng tăng 0,13% so với kế hoạch.



❖ **Các chỉ tiêu so với kế hoạch**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Đánh giá
1	Doanh thu sản phẩm đặt hàng	115.446	119.785	Đạt 103,76%
2	Doanh thu sản phẩm ngoài đặt hàng	83.554	110.775	Tăng 32,58%
3	Thu nhập BQ người lao động	9,9	10	Vượt
4	Tỷ lệ Lợi nhuận/ Vốn điều lệ	Đạt 32,36%	Đạt 35,70%	Vượt

## 2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư theo (chưa VAT)	
		QĐ phê duyệt đầu tư	Kết quả đấu thầu/ quyết toán DAHT
1	2 MÁY KHOAN RAY - Model: NZG-31 - Xuất xứ: TQ	140.000.000	136.363.636
2	2 MÁY CỬA RAY - Model: NQG-5III - Xuất xứ: TQ	130.000.000	116.363.636
3	4 MÁY XIẾT BU-LÔNG - Model: NLB-300 - Xuất xứ: TQ	440.000.000	432.727.273
4	2 Máy chèn đường thủy lực - Model: XYD-2AIII - Xuất xứ: Trung Quốc.	460.000.000	448.363.636
5	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc cơ quan	907.727.273	886.080.000
	<b>Tổng mức đầu tư:</b>		<b>2.019.898.182</b>

**b) Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

**c) Công ty mẹ:** Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

- Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ: 627.085 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ.

## 3. Tình hình tài chính

### ❖ **Tình hình tài chính**

Tiếp tục năm 2022, là năm công ty tiếp tục hoạt động có hiệu quả. Chỉ tiêu Doanh thu thuần có giảm so với năm 2021, nhưng lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng cao so với năm



trước. Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2022 là 133,49 tỷ đồng, tăng 14,85% so với năm 2021.

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng /giảm
Tổng giá trị tài sản	116,23	133,49	14,85
Doanh thu thuần	236,19	230,23	-2,52
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5,06	5,90	16,6
Lợi nhuận trước thuế	5,00	5,57	11,4
Lợi nhuận sau thuế	3,97	4,38	10,33

❖ **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
1.1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,64	11,68
1.2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	90,35	91,25
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,62	85,85
2.2	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	15,38	14,15
2.3	Nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	1,16	1,18
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
3.1	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Tổng Nợ	Lần	1,07	1,32
3.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ( Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)	Lần	1,16	1,18
<b>4</b>	<b>Hiệu quả</b>			
4.1	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	3,28	3,42
4.2	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	1,90	1,69
4.3	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	%	23,19	22,26



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



## I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

### 1. Thuận lợi:

Công ty có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Bộ GTVT, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty.

- Năm 2022 Công ty tiếp tục ký hợp đồng đặt hàng với TCT Đường sắt Việt Nam.
- Công ty duy trì được mối quan hệ với các đối tác bạn hàng truyền thống.

### 2. Khó khăn:

- Đối với sản xuất ngoài công ích việc cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng lĩnh vực trong ngành, các công trình thi công ở xa, là những khó khăn rất lớn, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do ảnh hưởng của hậu dịch bệnh Covid-19, dẫn đến công tác điều phối lao động giữa các đơn vị đôi khi còn gặp khó khăn.

## II. Kết quả đạt được trong năm 2022

### 1. Các chỉ tiêu chính đạt được

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2022 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2022
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	199.000	236.371	230.560	97,54	115,86
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	115.446	109.174	119.785	109,72	103,76
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	83.554	127.197	110.775	87,09	132,58
II	Tổng chi phí	Tr.đ	195.021	232.394	226.170	97,32	115,97
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.979	3.977	4.390	110,38	110,33
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	16,0	15,9	16,0	100,63	100,00
V	Thu nhập BQ	1000đ/ng/thg	9.987	10.932	10.000	91,47	100,13
VI	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	12.296	100,00	100,00



## 2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư năm 2022

STT	Danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư theo (chưa VAT)	
		QĐ phê duyệt đầu tư	Kết quả đấu thầu/ quyết toán DAHT
1	2 MÁY KHOAN RAY - Model: NZG-31 - Xuất xứ: TQ	140.000.000	136.363.636
2	2 MÁY CỬA RAY - Model: NQG-5III - Xuất xứ: TQ	130.000.000	116.363.636
3	4 MÁY XIẾT BU-LÔNG - Model: NLB-300 - Xuất xứ: TQ	440.000.000	432.727.273
4	2 Máy chèn đường thủy lực - Model: XYD-2AIII - Xuất xứ: Trung Quốc.	460.000.000	448.363.636
5	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc cơ quan	907.727.273	886.080.000
	<b>Tổng mức đầu tư:</b>		<b>2.019.898.182</b>

### III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHCĐ 2022

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu đạt 230,56 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra; lợi nhuận đạt 4,39 tỷ đồng. Thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2022 đạt 10,0 triệu đồng/tháng/người. Tỷ lệ trả cổ tức 16%. kết quả xóc lắc giảm hơn so với năm 2021 (bình quân năm 2022 đạt 34,09 điểm/km so với 49,7 điểm/km bình quân năm 2021 và vượt chỉ tiêu giao là 35,692 điểm); tốc độ bình quân 70,73 km/h được giữ vững theo công lệnh; hoàn thành tốt kế hoạch SXKD, đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên các tuyến đường được giao quản lý, bảo trì.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế





theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công bố thông tin: tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

#### **IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

##### **1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

<b>TT</b>	<b>Danh mục, chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kết quả năm 2022</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>	<b>Tỷ lệ % so với TH 2022</b>
1	Doanh thu	Tr.đ	230.560	216.000	93,68
-	<i>Sản phẩm đặt hàng</i>	<i>Tr.đ</i>	119.785	126.928	105,96
-	<i>Sản phẩm ngoài đặt hàng</i>	<i>Tr.đ</i>	110.775	89.072	80,41
2	Chi phí:	Tr.đ	226.170	212.400	93,91
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.390	3.600	82,00
	Chia cổ tức	%	16	17	106,25
4	Thu nhập bình quân	Tr.đ	10	10,3	103,00

##### **2. Các chỉ tiêu khác**

- Đảm bảo an toàn chạy tàu, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng do chủ quan.
  - Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng  $V_{bq} = 70.73$  km/h.
  - Phấn đấu đạt điểm xóc lắc Tổng Công ty ĐSVN đề ra .
  - Chủ động phòng, chống bão lũ, khắc phục kịp thời hậu quả do thiên tai gây ra, đảm bảo an toàn.
  - Thực hiện tốt công tác quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt.
  - Không để xảy ra cháy nổ do chủ quan; giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty.
- Duy trì tự vệ đạt danh hiệu "Đầu tiên thi đua".



- Hoàn thành khối lượng thi công sửa chữa đường sắt bằng các loại theo kế hoạch năm, đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ.
- Mua sắm và cấp phát vật tư đầy đủ, kịp thời theo kế hoạch. Quản lý tốt vật tư, máy móc thiết bị, và phương tiện vận tải.
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Duy trì mục tiêu dân số kế hoạch hoá gia đình. Không có người sinh con thứ 3.
- Tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh đạt trên 980 triệu đồng. Đóng góp 0,7% quỹ lương để xây dựng quỹ Xã hội.

## 2. Kế hoạch đầu tư phát triển

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá(Đồng) chưa VAT	Thành tiền
1	Máy khoan ray	Máy	3	70.000.000	210.000.000
2	Máy cắt ray	Máy	3	62.000.000	186.000.000
3	Máy chèn đường thủy lực	Máy	2	230.000.000	460.000.000
4	Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc	T.Bộ	1	700.000.000	700.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>1.556.000.000</b>

## 3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn giao thông đường sắt, từng đợt cao điểm trong năm xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo ATGT đường sắt phù hợp với thực tế.
- Luôn phát triển và giữ vững thị trường, thực hiện tốt các hợp đồng để đảm bảo doanh thu và lợi nhuận kế hoạch.
- Đảm bảo an sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động và thu nhập của người lao động.

## 4. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023

4.1 Tổng số lao động kế hoạch (kể cả lao động ngắn hạn): 699 người.

Người quản lý chuyên trách: 07 người;

4.2. Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 86.466,22 triệu đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người lao động: 10.306 triệu đồng/người/tháng.

4.3. Tổng tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 1.881,6 triệu đồng.

Trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn Nhà nước: 31,5 triệu đồng/người/tháng; mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn Nhà nước: 23,45 triệu đồng/người/tháng.

4.4. Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 54 triệu đồng. Trong đó mức thù lao bình quân: 1.500.000 đồng/người/tháng



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



## I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

### 1. Khó khăn:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh, số lượng công nhân viên bị mắc Covid-19 tăng sau dịp nghỉ Tết Nguyên đán, dẫn đến việc điều tiết bố trí lao động gặp nhiều khó khăn.

- Trong năm 2022, những diễn biến phức tạp của kinh tế trong nước, sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường của các doanh nghiệp cùng ngành nghề là những khó khăn, mà hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty gặp phải. Các dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.

### 2. Thuận lợi:

- Công ty có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì KCHTĐS. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn. Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty nên đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

## II. KẾT QUẢ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

### 1. Kết quả doanh thu, chi phí, lợi nhuận

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm 2022 so với	
				Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch 2022
I	Tổng doanh thu	Tr.đ	199.000	236.371	230.560	97,54	115,86
1	Sản phẩm công ích	Tr.đ	115.446	109.174	119.785	109,72	103,76
2	Sản phẩm ngoài Công ích	Tr.đ	83.554	127.197	110.775	87,09	132,58
II	Tổng chi phí	Tr.đ	195.021	232.394	226.170	97,32	115,97
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.979	3.977	4.390	110,38	110,33
IV	Tỷ lệ trả cổ tức	%	16,0	15,9	16,0	100,63	100,00
V	Thu nhập BQ	1000đ/ng/thg	9.987	10.932	10.000	91,47	100,13
VI	Vốn điều lệ	Tr.đ	12.296	12.296	12.296	100,00	100,00



## **2. Quản trị nguồn nhân lực**

- Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, qui định cho phù hợp với quy mô, đặc thù, tính chất ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tạo động lực, sức cạnh tranh, kích thích, thúc đẩy, nâng cao uy tín, đạo đức, năng lực, trách nhiệm, đóng góp, cống hiến của đội ngũ cán bộ quản lý cho sự nghiệp phát triển Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ lực lượng lao động tại các đơn vị để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ và đảm bảo thu nhập bình quân theo nghị quyết đề ra. Điều chỉnh tăng tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, để người lao động yên tâm làm việc, lao động cống hiến cho công ty.

## **3. Quản lý hoạt động tài chính**

- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của công ty, nguồn vốn lưu động ưu tiên tập trung cho sản xuất và đầu tư.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

- Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ theo hợp đồng đã có đủ thủ tục thanh quyết toán, tạo sự chủ động trong việc điều tiết, luân chuyển, bảo đảm quay vòng vốn hiệu quả, hạn chế sự phụ thuộc vốn vay tín dụng, bảo đảm phục vụ kịp thời cho các hoạt động SXKD và đầu tư ổn định, an toàn.

- Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

## **4. Quản lý giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Năm 2022, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn khẳng định được chỗ đứng vững chắc đối với thị trường, khẳng định được thương hiệu và uy tín với khách hàng. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo điều hành trên cơ sở kiểm soát việc ký kết các hợp đồng kinh tế thông qua các nghị quyết, chủ trương định hướng cụ thể. Chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; Sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực tìm kiếm, khai



thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho Người lao động. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Giao quyền cho Ban điều hành thực hiện công tác khoán quản, khoán sản phẩm, khoán doanh thu và lợi nhuận, đã góp phần kích thích nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm, củng cố uy tín, thương hiệu tạo sức hút đối với khách hàng, trong đó phải kể đến các đối tác, khách hàng lâu năm và khách hàng truyền thống.

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Doanh thu đạt 230,56 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra; lợi nhuận đạt 4,39 tỷ đồng. Thu nhập bình quân tính theo đầu người năm 2022 đạt 10,0 triệu đồng/tháng/người. Tỷ lệ trả cổ tức 16%. kết quả xóc lắc giảm hơn so với năm 2021 (bình quân năm 2022 đạt 34,09 điểm/km so với 49,7 điểm/km bình quân năm 2021 và vượt chỉ tiêu giao là 35,692 điểm); tốc độ bình quân 70,73 km/h được giữ vững theo công lệnh; hoàn thành tốt kế hoạch SXKD, đảm bảo chất lượng, tiến độ. Tất cả các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

## 5. Quản lý giám sát đầu tư

Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả. Kết quả thực hiện công tác đầu tư theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra:

STT	Danh mục đầu tư	Quy mô	Giá trị thực hiện (đồng) Chưa có VAT
1	2 MÁY KHOAN RAY - Model: NZG-31 - Xuất xứ: TQ	Quy mô nhỏ	136.363.636
2	2 MÁY CỬA RAY - Model: NQG-5III - Xuất xứ: TQ	Quy mô nhỏ	116.363.636
3	4 MÁY XIẾT BU-LÔNG - Model: NLB-300 - Xuất xứ: TQ	Quy mô nhỏ	432.727.273
4	2 Máy chèn đường thủy lực - Model: XYD-2AIII - Xuất xứ: Trung Quốc.	Quy mô nhỏ	448.363.636
5	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc cơ quan	Quy mô nhỏ	886.080.000
	<b>Tổng giá trị:</b>		<b>2.019.898.182</b>



## 6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu.đ	4.379,03
2	Phân phối các quỹ doanh nghiệp		
-	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Triệu.đ	200
-	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	Triệu.đ	1.608,2
-	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu.đ	603,5
3	Tỷ lệ chia cổ tức 16%	Triệu.đ	1.967,33

## 7. Trả cổ tức, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

- Năm 2021 thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông là 15,9%.
- Thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị là 1.500.000 đồng/người/tháng và các thành viên ban kiểm soát và thư ký Công ty là 1.000.000 đồng/người/tháng. Mức chi trả này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

## III. TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 42 phiên họp chính thức và các phiên họp mở rộng tới ban kiểm soát và cán bộ chủ chốt của công ty, gồm các nội dung:
  - Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
  - Thông qua một số quy chế nội bộ của Công ty
  - Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  - Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
  - Chỉ đạo Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời theo yêu cầu SX kinh doanh của Công ty.



- Các nội dung liên quan đến công tác cán bộ của Công ty.
- Sơ kết hàng tháng, thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, hàng quý năm 2022.
- Thông qua dự thảo chương trình, tài liệu đại hội và phân công tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Các nghị quyết của hội đồng quản trị đều đúng, trúng trọng tâm của từng giai đoạn, từng thời điểm, đưa ra các quyết sách quản trị, tổ chức chỉ đạo và điều hành kịp thời. Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, để đẩy mạnh tốc độ sản xuất kinh doanh.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành Công ty là một tập thể đoàn kết, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, thường xuyên bám sát và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đề ra. Trong hoạt động của mình mỗi đồng chí đã phát huy được trách nhiệm cá nhân, luôn có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được phân công phụ trách. Quan tâm xây dựng khối đoàn kết thống nhất tạo nên một tập thể đoàn kết, có uy tín.

Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn xong ban điều hành đã chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD, vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra. Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; Sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; Nỗ lực tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho Người lao động. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật.





## V. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

### 1. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ % so với TH 2022
1	Doanh thu	Tr.đ	230.560	216.000	93,68
-	<i>Sản phẩm đặt hàng</i>	<i>Tr.đ</i>	119.785	126.928	105,96
-	<i>Sản phẩm ngoài đặt hàng</i>	<i>Tr.đ</i>	110.775	89.072	80,41
2	Chi phí:	Tr.đ	226.170	212.400	93,91
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.390	3.600	82,00
	Chia cổ tức	%	16	17	106,25
4	Thu nhập bình quân	Tr.đ	10	10,3	103,00

### 2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá(Đông) chưa VAT	Thành tiền
1	Máy khoan ray	Máy	3	70.000.000	210.000.000
2	Máy cắt ray	Máy	3	62.000.000	186.000.000
3	Máy chèn đường thủy lực	Máy	2	230.000.000	460.000.000
4	Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc	T.Bộ	1	700.000.000	700.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>1.556.000.000</b>

### 3. Các giải pháp

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2021, nhằm tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.



- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBNV, người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty, sao cho thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



## 1. Hội đồng quản trị

*\* Thành viên hội đồng quản trị đến ngày 31/01/2023*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	234.464	19,07%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	234.675	19.09%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	2.563	0,21%

*\* Thành viên hội đồng quản trị kể từ ngày 31/01/2023*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	234.464	19,07%
2	Phạm Xuân Tú	Thành viên HĐQT	684	0,06%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	2.563	0,21%

*Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2022*

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	100%
2	Trần Như Thăng	Thành viên HĐQT	100%
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	100%

Năm 2022, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức họp các phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
- Thông qua một số quy chế nội bộ của công ty
- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT
  - Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của công ty theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
  - Chỉ đạo Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty
  - Thông qua các Báo cáo Tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản



xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2022

***Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập:***

Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

**2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát**

***Thành viên Ban kiểm soát***

<b>STT</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số lượng cổ phần năm giữ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ</b>
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS	1.794	0,14%
2	Giang Tiến Duy	Thành viên BKS	769	0,06%
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	940	0,08%

***Hoạt động của Ban kiểm soát***

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú gồm 3 thành viên, 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên theo dõi các hoạt động theo sự phân công của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát thực hiện những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số nội dung như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), đưa ra các kiến nghị với HĐQT - Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc điều hành trong năm 2022, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; xem xét ảnh hưởng các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

- Họp Ban Kiểm soát mỗi quý 01 lần (không kể các cuộc họp bất thường). nhằm xem xét, đánh giá các hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.



- Các công việc khác theo quy định của ĐH đồng cổ đông, Điều lệ và pháp luật.

### 3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban GD và BKS năm 2022

#### *HĐQT và Ban Giám đốc*

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	0	411.086.240	411.086.240
2	Trần Như Thắng	Thành viên	0	398.479.001	398.479.001
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	18.000.000	259.271.922	277.271.922
	<b>Cộng</b>		<b>18.000.000</b>	<b>1.068.837.163</b>	<b>1.086.837.163</b>

#### *Ban kiểm soát*

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Hoàng Thị Thúy Hà	Trưởng BKS		292.493.438	292.493.438
2	Giang Tiến Duy	TV. BKS	12.000.000	165.194.021	177.194.021
3	Nguyễn Thanh Tùng	TV. BKS	24.000.000	235.274.186	259.274.186
	<b>Cộng</b>		<b>36.000.000</b>	<b>692.274.186</b>	<b>728.274.186</b>

### 4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Tính đến 31/12/2022, giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Người nội bộ, người liên quan	Số cổ phiếu giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu
1	Nguyễn Việt Anh	CT.HĐQT	14.064	234.464
2	Trần Như Thắng	TV.HĐQT; GD	14.592	234.675

### 5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty. Quy chế quản trị công ty được thông qua tại đại hội đồng cổ đông.





## **1. Tiêu thụ năng lượng**

### **- Tiêu thụ điện năng**

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang hoặc Led, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

### **- Tiêu thụ nước**

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như vệ sinh kho bãi. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



## 2. Bảo vệ môi trường

### - ***Tuân thủ pháp luật về môi trường***

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường.

Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (nếu có).

Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường.

Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

### - ***Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ***

Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/năm

Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp

Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có

Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

## 3. Chính sách liên quan đến người lao động

### • ***Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:***

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.

- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất 02 lần/năm

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động

- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu





cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.

- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...

- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...

- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

- **Đảm bảo bình đẳng giới**

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.

- Thực hiện đúng các chế độ đối với lao động nữ theo quy định của pháp luật

- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.

- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

- **Hoạt động đào tạo người lao động**

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2020 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV

- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, kỹ năng PCCC cho CBCNV

- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, cơ quan địa phương, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội...



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Năm 2022



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>121.806.441.767</b>	<b>105.022.703.691</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>14.768.731.124</b>	<b>19.353.751.650</b>
1	Tiền	111	14.768.731.124	19.353.751.650
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>91.140.267.270</b>	<b>53.017.305.027</b>
1	Phải thu của khách hàng	131	95.383.864.128	53.866.856.002
2	Trả trước cho người bán	132	158.201.818	-
3	Các khoản phải thu khác	136	1.180.038.050	4.732.285.751
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.581.836.726)	(5.581.836.726)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14.641.252.858</b>	<b>30.764.165.865</b>
1	Hàng tồn kho	141	15.238.156.480	30.764.165.865
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(596.903.622)	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.256.190.515</b>	<b>1.887.481.149</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	57.218.177	211.498.633
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.198.972.338	1.675.982.516
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>11.681.431.256</b>	<b>11.211.016.971</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>10.081.694.322</b>	<b>10.916.062.637</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	10.081.694.322	10.916.062.637
	<i>Nguyên giá</i>	<i>22</i>	<i>36.071.913.676</i>	<i>33.178.919.798</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>	<i>(26.053.219.354)</i>	<i>(22.262.857.161)</i>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1.662.736.934</b>	<b>294.954.334</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	1.662.736.934	294.954.334
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>133.487.873.023</b>	<b>116.233.720.662</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>114.595.888.506</b>	<b>98.350.377.010</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>311</b>	<b>114.595.888.506</b>	<b>98.350.377.010</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	312	39.750.472.845	30.014.822.301
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	20.487.988.940	6.500.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.701.877.743	8.209.749.562
4	Phải trả người lao động	315	18.362.871.944	27.413.198.986
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.102.665.234	1.447.634.402
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	30.643.087.116	23.931.625.682
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	546.924.634	833.346.077
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Phải trả nội bộ dài hạn	331	-	-
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18.891.984.517</b>	<b>17.883.343.652</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18.891.984.517</b>	<b>17.883.343.652</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12.259.790.000	12.295.790.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	2.217.159.985	1.610.575.709
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.379.034.532	3.976.977.943
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	-
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.379.034.532	3.976.977.943
<b>I</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>133.487.873.023</b>	<b>116.233.720.662</b>



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>230.226.093.842</b>	<b>236.187.784.517</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>230.226.093.842</b>	<b>236.187.784.517</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	205.664.436.084	214.157.508.742
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>24.561.657.758</b>	<b>22.030.275.775</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	317.593.101	79.833.635
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	1.228.663.985	802.984.323
	- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	1.228.663.985	802.984.323
8	Chi phí bán hàng	25	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.747.818.726	16.247.350.677
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>5.902.768.148</b>	<b>5.059.774.410</b>
11	Thu nhập khác	31	16.054.664	103.693.739
12	Chi phí khác	32	348.179.135	157.131.620
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(332.124.471)</b>	<b>(53.437.881)</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>5.570.643.677</b>	<b>5.006.336.529</b>
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	1.191.609.145	1.029.358.331
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.379.034.532	3.976.978.198
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.416	2.422
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	220.910.272.335	253.467.744.413
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02	(102.871.506.475)	(145.605.631.862)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(94.347.393.423)	(98.349.344.503)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(1.228.663.985)	(802.984.323)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.040.438.579)	(186.713.313)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.437.596.431	773.510.079
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.152.844.943)	(34.620.690.216)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.292.978.630)</b>	<b>(25.324.109.725)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.366.065.871)	(6.016.711.238)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		53.693.636
	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	317.593.101	79.833.635
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.048.472.770)</b>	<b>(5.883.183.967)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ đi vay	33	82.562.423.955	153.059.244.285
2	Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.850.962.471)	(134.595.477.434)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36	(1.955.030.610)	(1.559.940.590)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.756.430.874</b>	<b>16.903.826.261</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(4.585.020.526)</b>	<b>(14.303.467.431)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>19.353.751.650</b>	<b>33.657.219.081</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>14.768.731.124</b>	<b>19.353.751.650</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT VINH PHÚ**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Xuân Tú*

